

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 242/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 03-12-2024

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh

2. Ông Phùng Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 530/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Trần Thị Thanh H, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TLT (nay là Khu phố TP, thị trấn TH), huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

Chỗ ở hiện nay: Khu tái định cư ấp TT, xã TH, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

***Bị đơn:** Nguyễn Tấn T, sinh năm 1987 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp TP, xã TLT (nay là Khu phố TP, thị trấn TH), huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 16/7/2024, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tấn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây vào năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm

2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hoà hợp, vợ chồng đã nhiều lần hoà giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay tình cảm không còn, không thể kéo dài cuộc sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Ngọc N Y, sinh ngày 06/9/2013. Ly hôn, hai con do anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết

* Tại bản khai ngày 29/10/2024, bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Thanh H. Có 02 con chung như chị H trình bày, anh đồng ý tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T, chị đồng ý anh T nuôi 02 con, chị không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H xin ly hôn với anh T, giao 02 con cho anh T nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Nguyễn Tấn T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung: Xét thấy, chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Tấn T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Tây cấp giấy chứng nhận kết hôn số 110, quyển số 01/2007 ngày 13 tháng 11 năm 2007 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, theo chị H trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ, anh chị phát sinh mâu thuẫn đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được, anh chị đã ly thân từ tháng 01/2024 đến nay, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản khai ngày 29/10/2024 anh cũng đồng ý ly hôn với chị H do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Ngọc N Y, sinh ngày 06/9/2013. Chị H đồng ý giao 02 con cho anh T nuôi. Xét cháu Phát và cháu Ý hiện đang sống với anh T, chị H đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng và anh T cũng đồng ý được nuôi 02 cháu, các cháu cũng có nguyện vọng được sống với cha, do đó để đảm bảo ổn định cuộc sống của 02 cháu cần để anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không có yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tấn P, sinh ngày 02/02/2009 và Nguyễn Ngọc N Y, sinh ngày 06/9/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị H được quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0011826 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, chị H đã nộp xong án phí.

Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Lý Tây;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà